

Số: 3168/2024/QĐST-LĐ

Thủ Đức, ngày 17 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Lê Thị Minh

*Thư ký phiên họp:* Bà Lưu Thị Ngọc Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp:* Bà **Võ Thị Thanh P** - Kiểm sát viên

Ngày 17/7/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 65/2024/TLST-LĐ ngày 12/4/2024 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp số 4889 /2024/QĐST-LĐ ngày 02/7/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà **Huỳnh Thu V**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: **Số B Khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.**

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Công ty Trách nhiệm hữu hạn W**

Trụ sở: Số 16 Linh Trung, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà **Phạm Thị Thu T**, sinh năm 1993

Địa chỉ: **Số B N, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương**

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

\* Tại đơn yêu cầu đề giải quyết việc dân sự, bản tự khai, bà **Huỳnh Thu V** trình bày:

Từ tháng 7/2010 đến tháng 6/2011, bà **V** cho bà **Phạm Thị Thu T**, sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú: 266/1 **đường N, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương** mượn chứng minh nhân dân số của bà **V** để vào làm việc tại **Công ty Trách nhiệm hữu hạn W**, trụ sở: **Số A L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Sau khi ký kết hợp đồng lao động, **Công ty Trách nhiệm hữu hạn W** đã tiến hành nộp hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội cho bà **T** với số sổ 7910301701, mang tên **Huỳnh Thu V** từ tháng 7/2010 cho đến tháng 6/2011.

Đầu năm 2024, bà V đến cơ quan bảo hiểm xã hội để thực hiện việc lãnh bảo hiểm xã hội một lần thì phát hiện hồ sơ bảo hiểm xã hội của bà Vân trùng với hồ sơ bảo hiểm của bà Phạm Thị Thu T tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn W trong khoảng thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 6/2011. Vì vậy, cơ quan bảo hiểm hướng dẫn bà V liên hệ Công ty Trách nhiệm hữu hạn W yêu cầu công ty ký lại hợp đồng lao động với bà Phạm Thị Thu T trong khoảng thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 6/2011 và xác nhận bằng văn bản về việc thay đổi thông tin về bảo hiểm xã hội của người lao động. Bà V đã đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn W để yêu cầu giải quyết nhưng công ty B là không thay đổi thông tin này được.

Nay bà V yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Huỳnh Thu V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn W trong khoảng thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 6/2011 là vô hiệu do người tham gia ký hợp đồng lao động là bà Phạm Thị Thu T, không phải là bà Huỳnh Thu V. Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thu T trình bày:

Từ tháng 7/2010, bà T có mượn chứng minh nhân dân của bà Huỳnh Thu V để vào làm việc và ký kết hợp đồng lao động với Công ty Trách nhiệm hữu hạn W. Công ty Trách nhiệm hữu hạn W đã đóng bảo hiểm xã hội theo mã số sổ: 7910301701 trong khoảng thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 06/2011. Sau đó, bà T đã nghỉ việc tại công ty và chưa chốt sổ bảo hiểm xã hội. Nay bà T cũng thống nhất với yêu cầu của bà V và không có yêu cầu gì.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Ngoài việc vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong vụ án, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thu V về việc tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Huỳnh Thu V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn W trong khoảng thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 6/2011 là vô hiệu.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Hợp đồng lao động được ký kết và thực hiện giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn W và người lao động bà Huỳnh Thu V tại trụ sở của công ty ở địa chỉ: Số A L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người yêu cầu bà **Huỳnh Thu V** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Phạm Thị Thu T** có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Công ty Trách nhiệm hữu hạn W** đã được Tòa án thông báo tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không vì lý do khách quan. Căn cứ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập thể hiện, bà **Huỳnh Thu V** đã cùng lúc ký hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 doanh nghiệp là **Công ty Trách nhiệm hữu hạn W** và **Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1** (Việt Nam) với 02 số sổ bảo hiểm xã hội khác nhau, cụ thể:

+ Số sổ bảo hiểm xã hội thứ 1: 7910301701 đã được **Công ty Trách nhiệm hữu hạn W**, trụ sở: **Số A L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** đăng ký tham gia từ tháng 7/2010 đến tháng 6/2011.

+ Số sổ bảo hiểm xã hội thứ 2: 0204126027 được **Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1** (Việt Nam), địa chỉ: **Số B Đ, Khu công nghiệp V, thị xã T, tỉnh Bình Dương** từ tháng 9/2008 đến tháng 01/2023.

Sự việc xảy ra như trên là xuất phát từ việc bà **V** đã cho bà **Phạm Thị Thu T** sử dụng chứng minh nhân dân của bà **V** để ký kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại **Công ty Trách nhiệm hữu hạn W** trong khoảng thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 6/2011. Như vậy, chủ thể ký kết và thực hiện hợp đồng lao động trong trường hợp này với công ty là bà **Phạm Thị Thu T**, không phải là bà **Huỳnh Thu V**. Việc bà **T** sử dụng thông tin cá nhân của bà **V** để ký kết hợp đồng lao động với **Công ty Trách nhiệm hữu hạn W** là vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Vì vậy, bà **V** yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động trên vô hiệu là có cơ sở nên được chấp nhận.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà **Huỳnh Thu V** phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 367, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 1, Khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà **Huỳnh Thu V**.

Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà **Huỳnh Thu V** và **Công ty Trách nhiệm hữu hạn W**, trụ sở: **Số A L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** trong khoảng thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 6/2011 là vô hiệu.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300,000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà **Huỳnh Thu V** phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà **V** đã nộp theo biên lai thu số 0026267 ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **V** đã nộp đủ lệ phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà **Huỳnh Thu V**, bà **Phạm Thị Thu T**, **Công ty Trách nhiệm hữu hạn W** được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

*Nơi nhận:*

- **Tòa án nhân dân TP . HCM;**
- **Viện kiểm sát nhân dân TP . HCM;**
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP. **Lê Thị Minh**

**THẨM PHÁN**